Phụ lục số 01

TỔNG HỢP GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2024
CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết số 711 /QĐ-UBND ngày 16/4/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết	Công ty cổ phần Chợ	Công ty cổ phần Cấp thoát nước	Công ty cổ phần Quản lý và Xây dựng giao thông
1	Sản lượng tiêu thụ		23.315,67 ha	5.500.000 vé		9.800.000 m3 nước sinh hoạt	750 km
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	74.000	39.800	18.292	150.000	46.000
3	Tổng chi phí	Tr.đồng	72.480	38.810	15.180	137.500	45.645
4	Lợi nhuận	Tr.đồng					
	- Lợi nhuận trước thuế		*1.520*	*990*	*3.112*	*12.500*	*355*
	- Lợi nhuận sau thuế		*1.216*	*792*	*2.460*	*10.000*	*284*
5	Tổng số thuế và các khoản nộp NSNN	Tr.đồng	4.838	10.650	4.500	21.800	2.800
a	Thuế	Tr.đồng	4.838	10.350	2.077	10.226	2.680
	- Thuế GTGT	*Tr.đồng*	*4.018*	4.437	*1.479*	*5.667*	*2.600*
	- Thuế Tài nguyên	*Tr.đồng*	*400*			*1.800*	
	- Thuế TTĐB	*Tr.đồng*	*0*	*5.715*	*0*		
	- Thuế TNDN	*Tr.đồng*	*420*	*198*	*598*	*2.759*	*80*
	Thuế TNCN	*Tr.đồng*					
b	Các khoản khác phải nộp	Tr.đồng		300	2.423	11.574	120
6	Vốn điều lệ	Tr.đồng	25.000	25.000	22.885	50.098	12.074
7	Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	1.053.000	24.170	25.169	69.500	12.701
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	*%*	*0,12*	*3,28*	*9,8*	*14,4*	*2,24*
	- Tỷ lệ chia cổ tức	*%*	*0*	*0*	*8,0*	*8,5*	*2,00*
8	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,4	3,2	3,15	0,97	1,33

Phụ lục số 02

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN SẢN PHẨM DỊCH VỤ CÔNG SỬ DỤNG NSNN NĂM 2024

(Kèm theo Quyết số 711 /QĐ-UBND ngày 16/4/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Chỉ tiêu	ĐVT	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi		Công ty cổ phần Cấp thoát nước		Công ty cổ phần Quản lý và Xây dựng giao thông	
		Thực hiện năm 2023	KH năm 2024	Thực hiện năm 2023	KH năm 2024	Thực hiện năm 2023	KH năm 2024
1. Khối lượng, sản lượng SP, DV công thực hiện trong năm		22.796,5 ha	23.315,67 ha	1.163.463 m^3 nạo vét bùn	1.221.636m^3 nạo vét bùn	762 km	750 km
2. Khối lượng, sản lượng SP, DV công bị lỗi không đạt yêu cầu							
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng SP, DV của DN không đạt yêu cầu	Tr.đồng						
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các SP, DV công thực hiện trong năm	Tr.đồng	29.285	28.260	12.877	13.521	27.556	27.112
5. Doanh thu thực hiện các SP, DV công trong năm	Tr.đồng	28.550	27.178	13.417	14.088	28.019	27.500